HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2021/NQ-HĐND	*Sóc Trăng, ngày 08 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 252/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính; Bộ LĐ - TB và XH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Hồ Thị Cẩm Đào

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách trung ương đảm bảo thực hiện đối với đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021.

2. Ngân sách địa phương đảm bảo thực hiện đối với các đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của ngân sách các cấp theo quy định hiện hành.

Chương II
MỨC CHUẨN TRỢ GIÚP XÃ HỘI, MỨC TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI, ĐỐI TƯỢNG KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

Điều 3. Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội là 360.000 đồng/tháng (theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021).

2. Mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội bằng mức trợ giúp xã hội tối thiểu quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021.

3. Thời gian thực hiện: Theo quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Điều 4. Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021

1. Đối tượng

a) Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sinh sống tại địa bàn không thuộc xã, ấp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Người bị bệnh hiểm nghèo thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

c) Trẻ em dưới 03 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sinh sống tại địa bàn không thuộc xã, ấp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ cận nghèo.

đ) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại mắc bệnh hiểm nghèo.

e) Trẻ em còn cha và mẹ nhưng cả cha và mẹ không còn cư trú ở địa phương từ 24 tháng trở lên và người nuôi dưỡng trẻ em là người cao tuổi hoặc thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.

g) Trẻ em có cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù giam và người còn lại thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.

h) Trẻ em có cả cha và mẹ là người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng.

i) Trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em dưới 6 tuổi được sinh ra từ mẹ là trẻ em bị xâm hại tình dục.

k) Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bóc lột; trẻ em bị tai nạn thương tích dẫn đến khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng.

l) Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực.

m) Trẻ em lang thang kiếm sống khi chưa hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

2. Chính sách trợ giúp xã hội

a) Trợ cấp thường xuyên hàng tháng:

- Các đối tượng tại điểm a, b khoản 1 điều này được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số 1,0.

- Các đối tượng tại điểm c khoản 1 điều này được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số 1,5.

- Các đối tượng tại điểm d, đ, e, g, h khoản 1 điều này được hưởng chế độ

trợ cấp xã hội hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số: Dưới 04 tuổi hệ số 2,5; từ đủ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi hệ số 1,5.

b) Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế: Đối tượng được trợ cấp thường xuyên hàng tháng tại điểm a, b, d, đ, e, g, h khoản 1 điều này được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế. Mức hỗ trợ đóng bằng với mức đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội theo quy định của nhà nước. Trường hợp đối tượng quy định tại điểm a, b, d, đ, e, g, h khoản 1 điều này thuộc diện được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế ở nhiều đối tượng khác nhau thì chỉ được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế ở đối tượng có quyền lợi bảo hiểm y tế cao nhất.

c) Trợ giúp xã hội khẩn cấp:

- Hỗ trợ đột xuất cho trẻ em thuộc đối tượng tại điểm i, k, l khoản 1 điều này được hưởng chế độ trợ cấp 01 lần hỗ trợ dinh dưỡng; mức hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/đối tượng bằng tiền mặt.

- Hỗ trợ cho trẻ em thuộc đối tượng tại điểm m khoản 1 điều này được hưởng chế độ trợ cấp khó khăn 01 lần; mức hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/đối tượng bằng tiền mặt.

d) Hỗ trợ chi phí mai táng: Đối tượng được quy định tại khoản 1 điều này được hỗ trợ chi phí mai táng khi chết; mức hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/đối tượng bằng tiền mặt.

đ) Chính sách trợ giúp xã hội khác được thực hiện theo quy định Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021.

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Hồ Thị Cẩm Đào